



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung

Ngày 30/09/2025	40,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.6%	3.5%	0.6%

DT thuần Q3/25
370
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.0 2.8%
YoY: ▼8.00 -2.0%

LN thuần Q3/25
79.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.2 21.6%
YoY: ▲ 15.0 23.1%

LN sau thuế Q3/25
64.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.1 23.3%
YoY: ▲ 12.2 23.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
21.8%
YoY: +/-▲ 3.5%

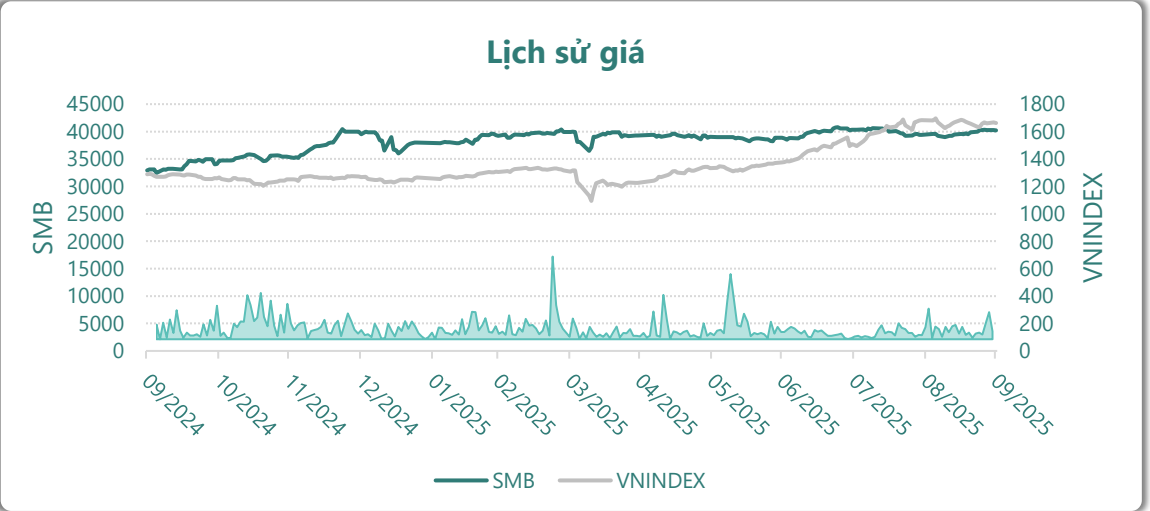
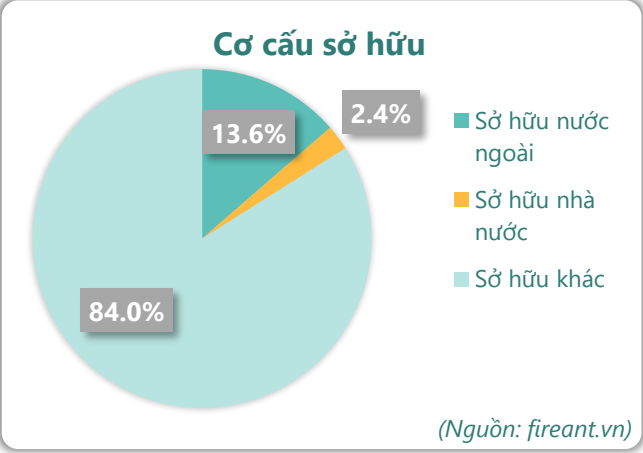
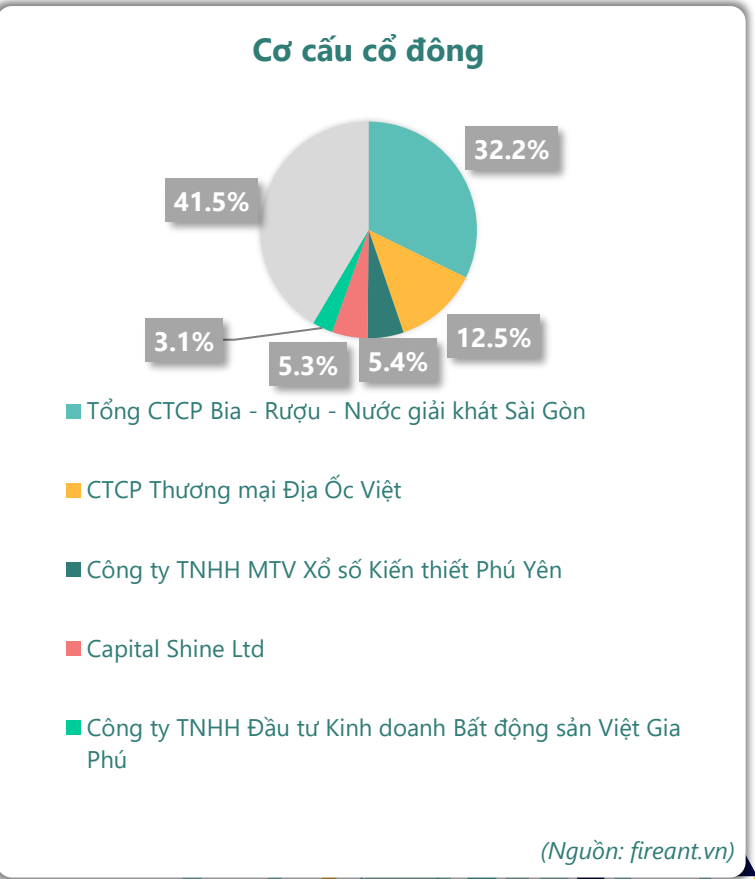
ROE (TTM) Q3/25
29.6%
YoY: +/-▲ 2.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,457 - 40,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,200
Số lượng CPLH (CP)	29,846,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,100
Sở hữu nước ngoài	13.6%
Beta	0.38
EPS	6,276
P/E	6.4

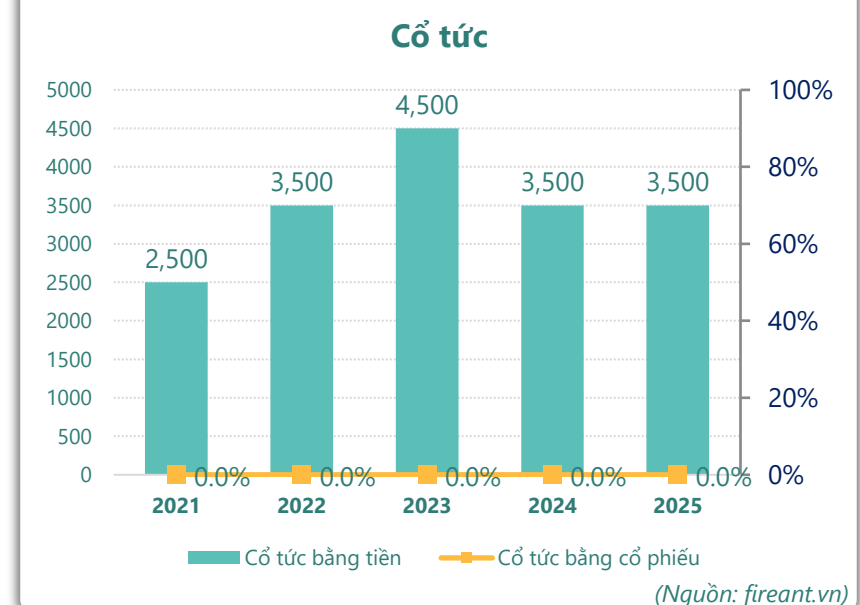
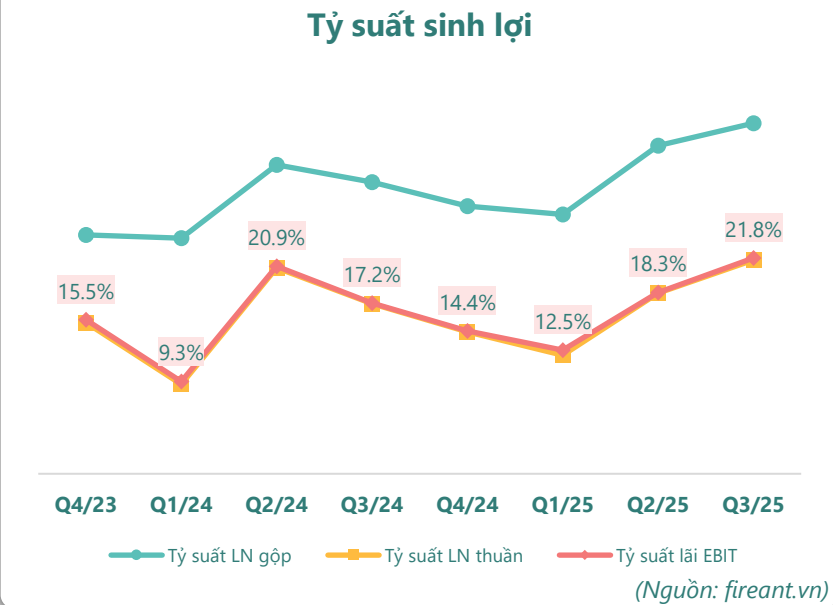
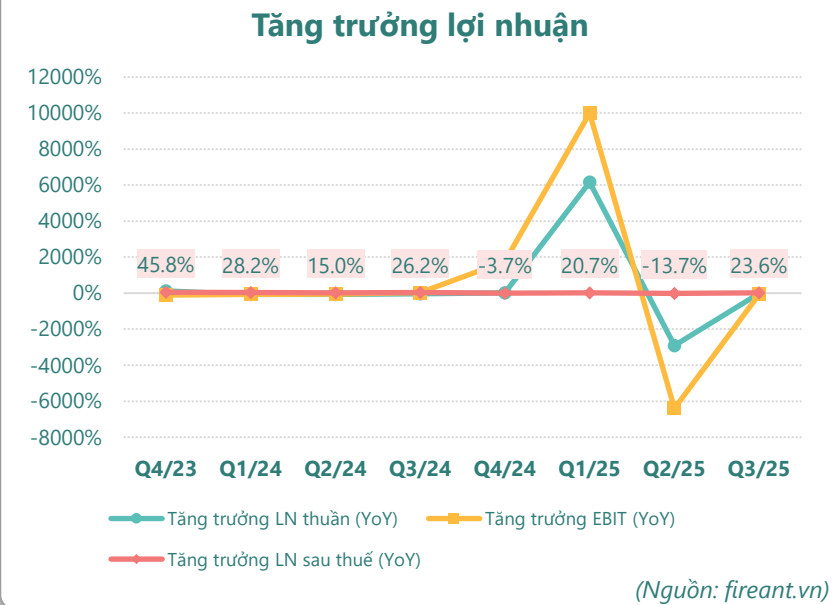
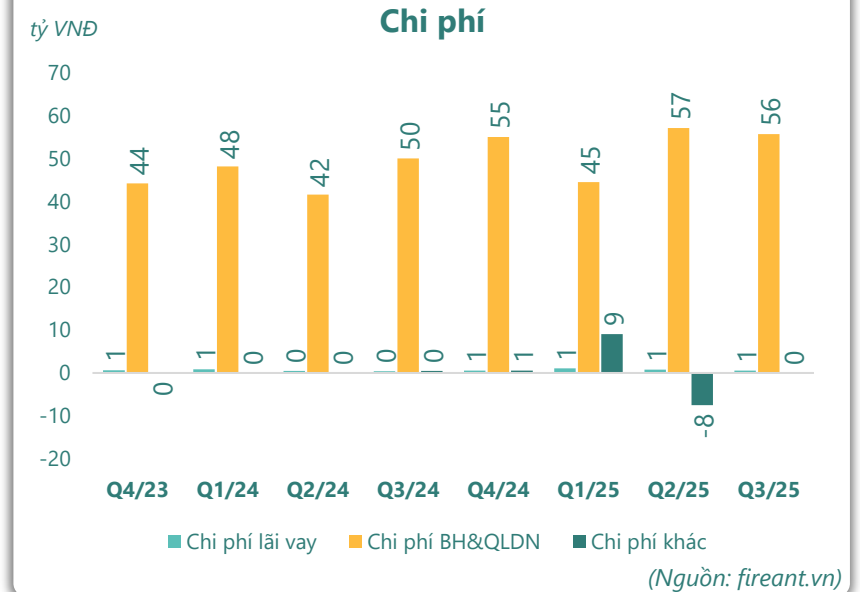
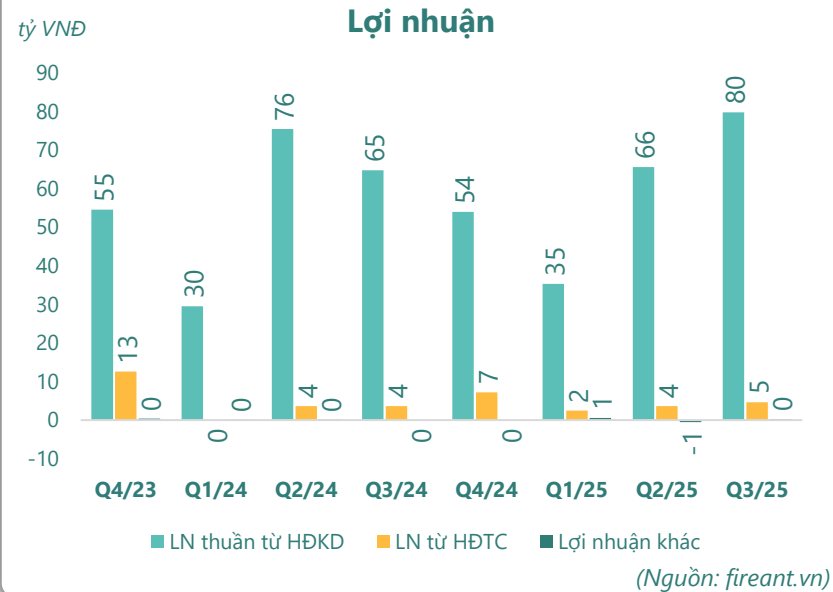
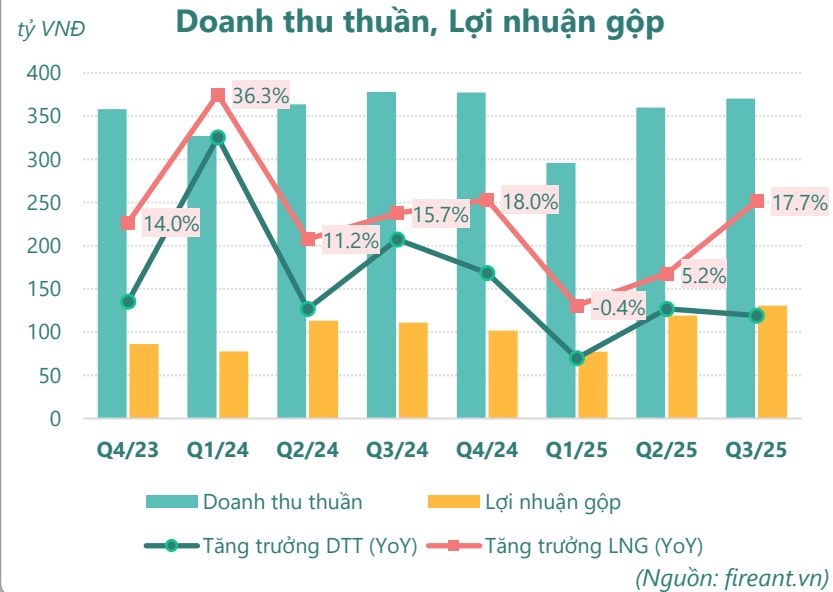
DT thuần 9T 2025
1,027
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0 -4.0%

LN thuần 9T 2025
181
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0 6.4%

LN sau thuế 9T 2025
145
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00 6.5%



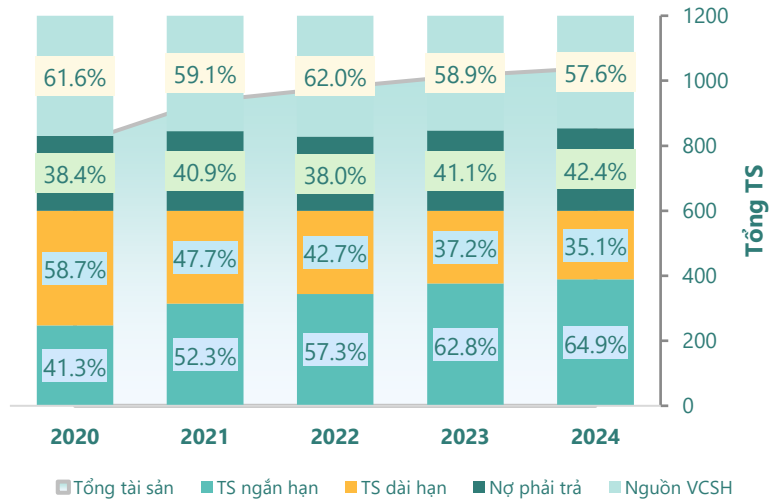
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

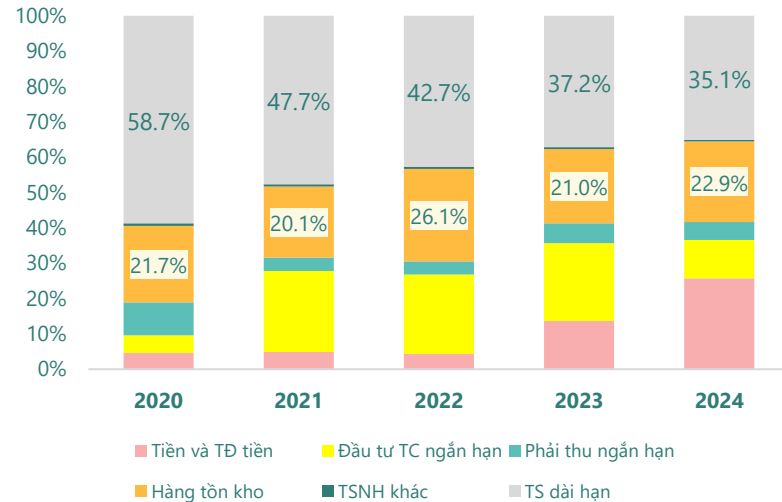
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

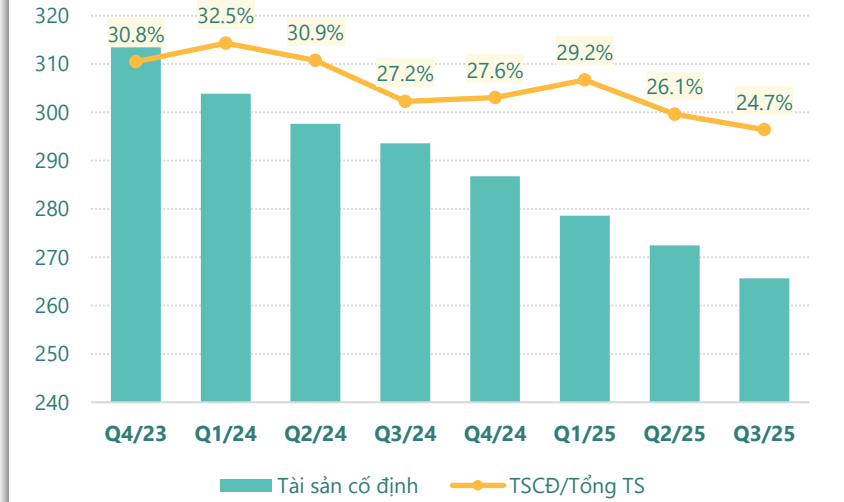
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

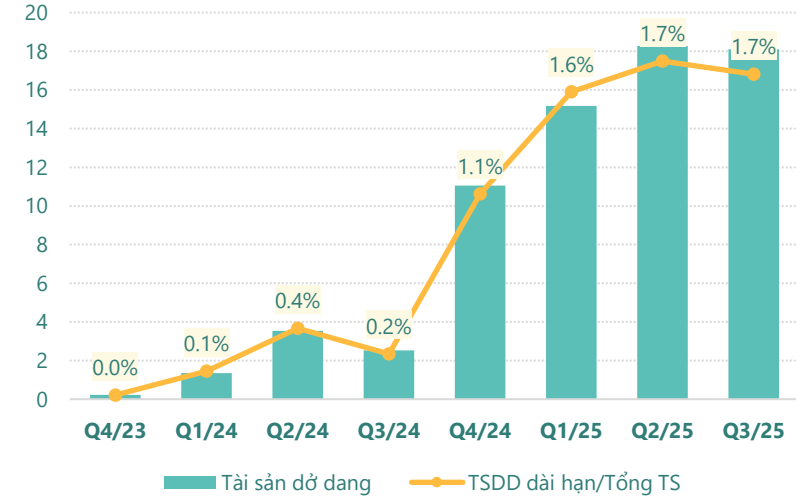
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

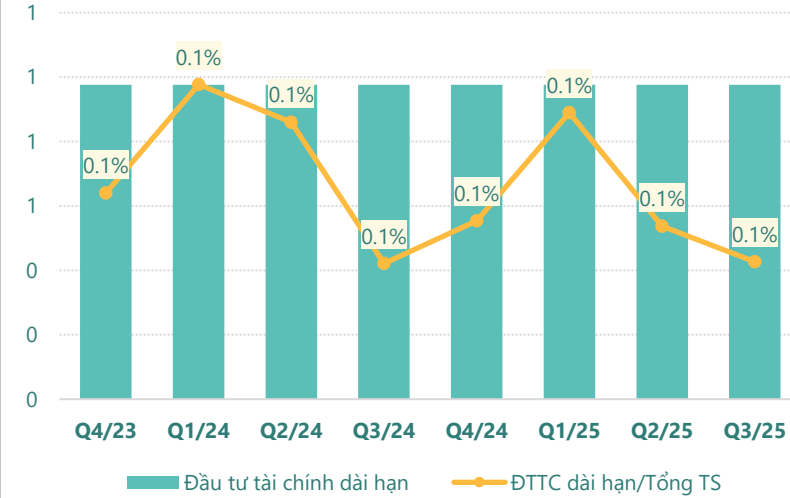
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

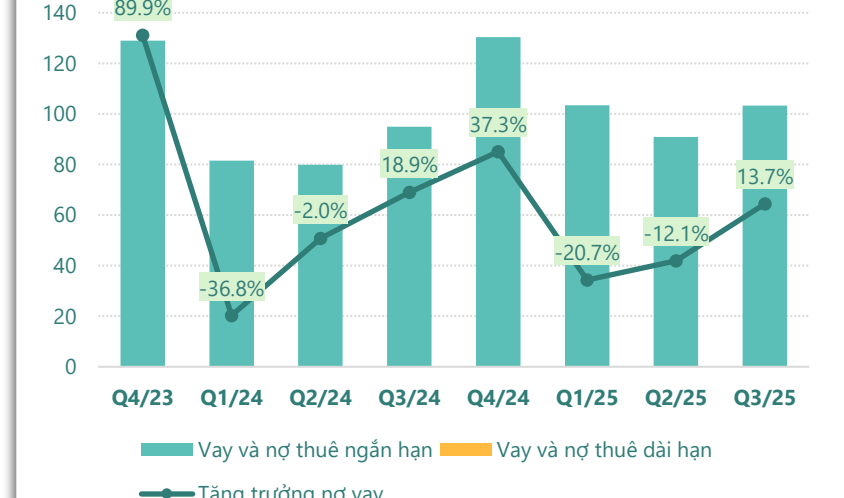
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

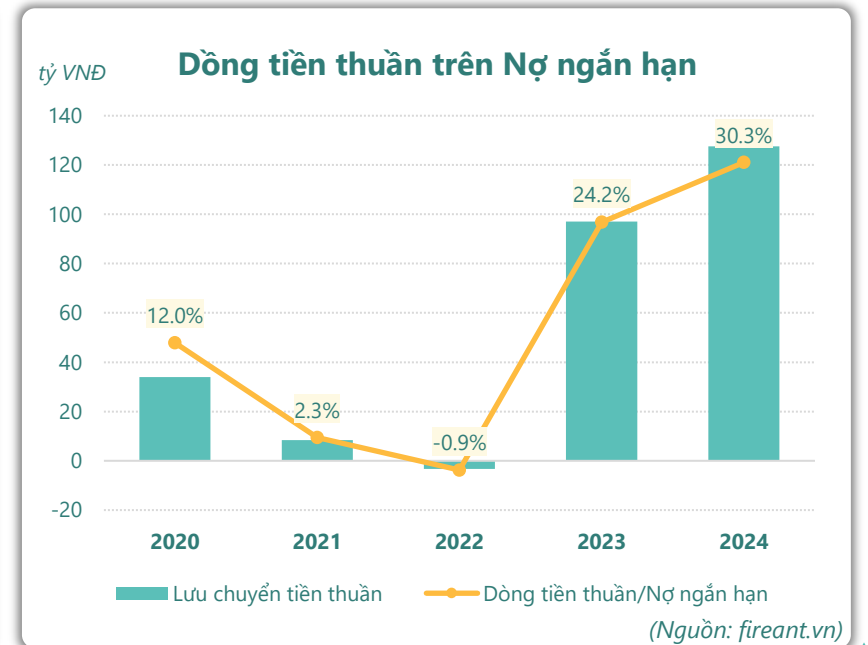
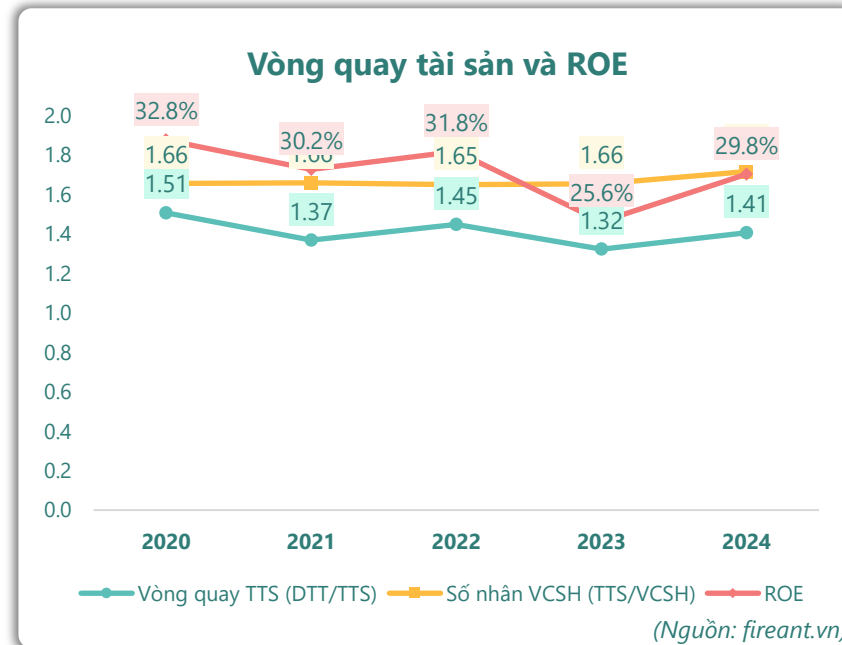
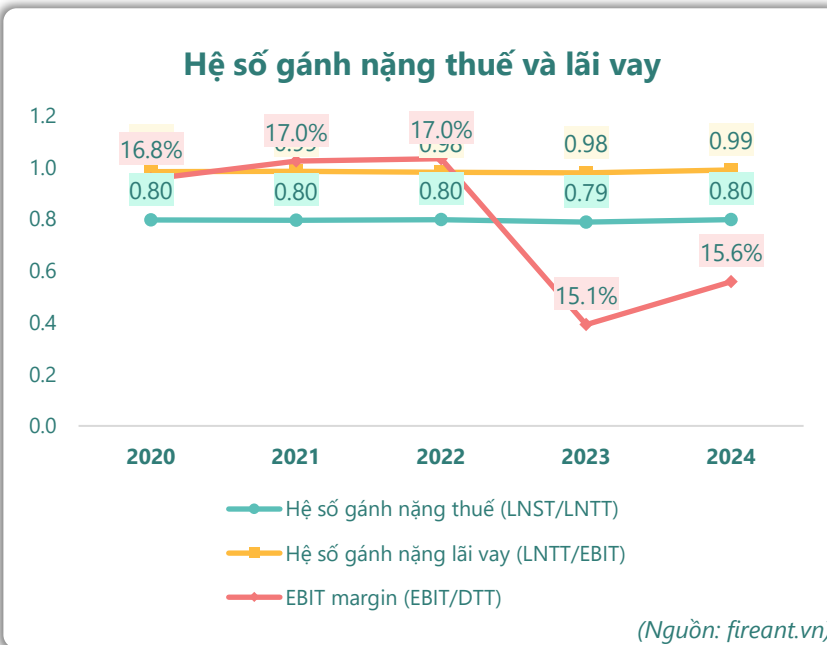
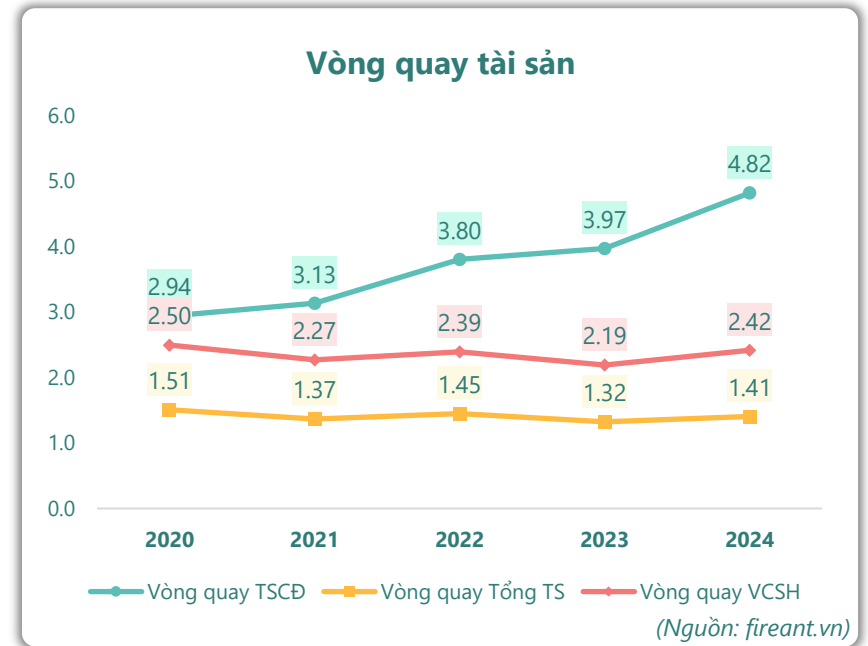
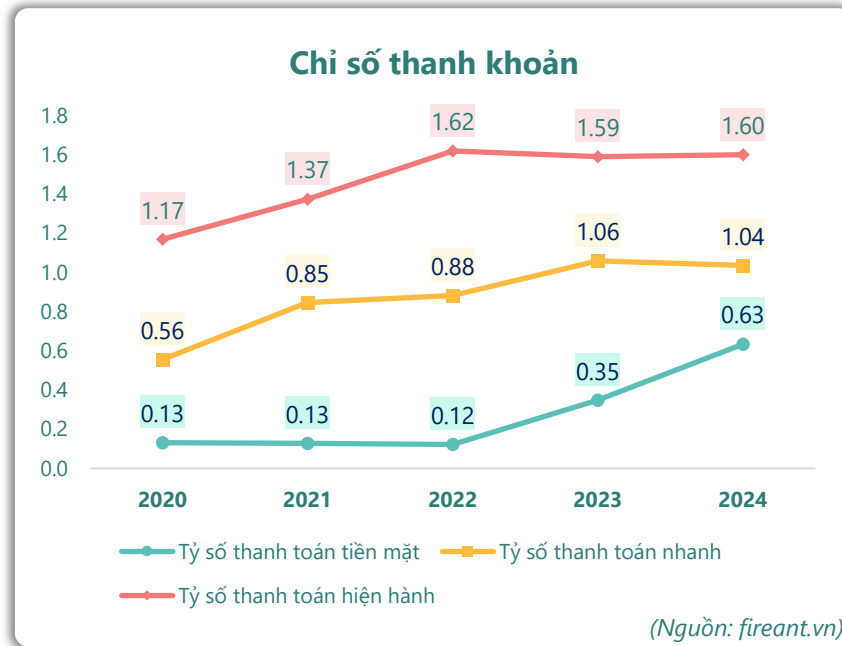
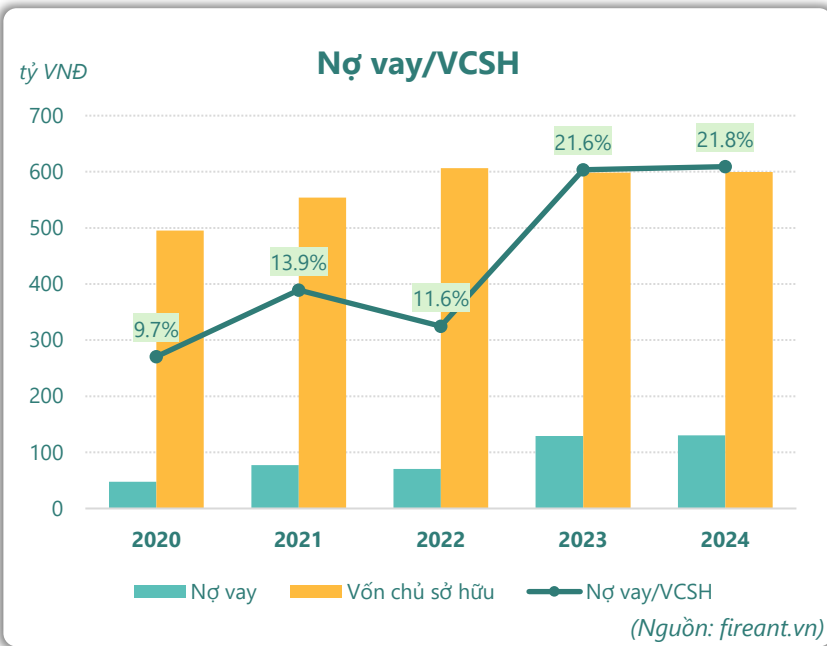
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	370	378	-2.0%	1,027	1,069	-4.0%
Giá vốn hàng bán	239	267	-10.4%	699	767	-8.8%
Lợi nhuận gộp	131	111	17.9%	328	302	8.3%
Doanh thu HĐTC	5.18	4.02	28.9%	13.1	8.96	45.9%
Chi phí TC	0.57	0.38	49.3%	2.37	1.76	34.7%
Chi phí lãi vay	0.57	0.38	48.7%	2.36	1.70	38.6%
LN trong công ty LKLD	0.06	0.00		0.06	0.18	-66.7%
Chi phí bán hàng	31.1	26.6	16.9%	86.3	72.6	19.0%
Chi phí QLDN	24.7	23.4	5.5%	71.2	67.3	5.8%
LN thuần từ HĐKD	79.8	64.8	23.1%	181	170	6.4%
Lợi nhuận khác	0.20	-0.08	356%	0.21	0.15	42.1%
LN trước thuế	80.0	64.7	23.6%	181	170	6.5%
Lợi nhuận sau thuế	64.0	51.8	23.6%	145	136	6.5%
LNST của CĐ cty mẹ	64.0	51.8	23.6%	145	136	6.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.9	97.3	-38.0	-22.5	144	76.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.2	58.0	99.4	-37.9	-68.5	-5.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.2	13.9	-24.0	-57.1	-27.2	-47.5
Tiền đầu kỳ	31.4	60.4	230	266	148	197
Lưu chuyển tiền thuần	28.9	169	37.3	-118	48.0	24.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.00	0.10	0.00	0.35	0.00
Tiền cuối kỳ	60.4	230	267	148	197	221

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,076	1,040	3.5%
Tài sản ngắn hạn	712	674	5.6%
Tiền và tương đương tiền	221	267	-17.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	226	113	100%
Phải thu ngắn hạn	62.2	52.6	18.3%
Hàng tồn kho	200	238	-16.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.24	3.92	-17.1%
Tài sản dài hạn	364	365	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	266	287	-7.4%
Bất động sản đầu tư	5.86	6.12	-4.2%
Tài sản dở dang	18.1	11.0	63.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.0%
Tài sản dài hạn khác	73.6	60.4	21.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	417	440	-5.4%
Nợ ngắn hạn	399	421	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	130	-20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	40.2	38.6	4.1%
Nợ dài hạn	17.8	18.9	-6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	659	599	10.0%
Vốn chủ sở hữu	659	599	10.0%
Vốn điều lệ	298	298	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

